TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HƯNG HÀ** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 61/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 18-8-2023
V/v: Ly hôn giữa chị B và anh D.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HƯNG HÀ - TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: bà Nguyễn Thị Chuyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Bình

2. Bà Trần Thị Thủy

- Thư ký phiên toà: bà Doãn Thị Thu Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: ông Nguyễn Văn Kiên - Kiểm sát viên.

Trong ngày 18 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 91/2023/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 4 năm 2023 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 64/2023/QĐXX-ST ngày 21 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: chị Vũ Thị Kim B, sinh năm 1977; có mặt.

Địa chỉ: thôn M, xã H, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình

2. *Bị đơn*: anh Nguyễn Văn D, sinh năm 1974

Địa chỉ: thôn M, xã H, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình; có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi, bản tự khai và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Vũ Thị Kim B trình bày:

Về hôn nhân: chị và anh Nguyễn Văn D kết hôn do hai bên tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (viết tắt UBND) xã H, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình vào ngày 07-4-1997. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hòa thuận đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu là do anh D không tu chí làm ăn, thường xuyên rượu chè, không quan tâm đến gia đình dẫn đến vợ chồng lạnh nhạt tình cảm, cãi nhau, nhiều lần anh D đánh và đuổi chị. Mâu thuẫn căng thẳng, vợ chồng đã sống ly thân từ đầu năm 2021 đến nay. Nay chị xác

định vợ chồng không còn tình cảm, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh D.

Về nuôi con chung: chị và anh D có 02 con chung là Nguyễn Thị Thu Th, sinh ngày 15-3-1998 và Nguyễn Thị Thùy D, sinh ngày 05-7-2004. Các con đều trưởng thành và tự lập về kinh tế nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về chia tài sản: chị và anh D tự phân chia nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vợ chồng không vay nợ ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 17-7-2023 và đơn đề nghị, bị đơn anh Nguyễn Văn D trình bày: anh và chị B kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình vào ngày 07-4-1997. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hòa thuận đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thỉnh thoảng anh có uống rượu dẫn đến vợ chồng xảy ra va chạm, cãi nhau. Mâu thuẫn căng thẳng, vợ chồng sống ly thân từ cuối năm 2021 đến nay. Nay chị B có đơn khởi kiện ly hôn, anh không đồng ý, vì anh xác định vẫn còn tình cảm với chị B, đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng về đoàn tụ. Nếu chị B cương quyết ly hôn thì anh đành chấp nhận.

Về nuôi con chung: vợ chồng anh có 02 con chung là Nguyễn Thị Thu Th, sinh năm1998 và Nguyễn Thị Thùy D, sinh năm 2004. Hiện nay cả hai con đều trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về chia tài sản chung: anh và chị B tự giải quyết nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh và chị B không vay nợ ai.

Vì công việc bận nên anh đề nghị Tòa án cho anh được vắng mặt tại các lần triệu tập, vắng mặt tại phiên hòa giải và phiên tòa xét xử vụ án.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hưng Hà phát biểu ý kiến: về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Toà án kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên: về hôn nhân: xử cho chị Vũ Thị Kim B được ly hôn anh Nguyễn Văn D; về nuôi con chung: chị B và anh D có 02 con chung là Nguyễn Thị Thu Th, sinh ngày 15-3-1998 và Nguyễn Thị Thùy D, sinh ngày 05-7-2004. Các con đều trưởng thành và

tự lập về kinh tế nên không xem xét giải quyết; về chia tài sản: chị B, anh D không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết trong vụ án này; về án phí: chị B phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án*: chị Vũ Thị Kim B khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Nguyễn Văn D. Vì vậy, quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các bên được xác định là "Tranh chấp ly hôn". Anh D đang cư trú tại thôn M, xã H, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, anh D có đơn xin xét xử vắng mặt, vì vậy Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử vắng mặt anh D theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về hôn nhân: chị Vũ Thị Kim B và anh Nguyễn Văn D kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H vào ngày 07-4-1997 nên xác định đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hòa thuận hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng nhau về quan điểm sống dẫn đến vợ chồng xảy va chạm, cãi nhau. Vợ chồng chị B, anh D đã sống ly thân nhau từ năm 2021. Hội đồng xét xử thấy: vợ chồng chị chị B, anh D sống ly thân đã lâu, mâu thuẫn đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, cần xử cho chị B được ly hôn anh D là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về nuôi con chung: chị B và anh D có 02 con chung là Nguyễn Thị Thu Th, sinh ngày 15-3-1998 và Nguyễn Thị Thùy D, sinh ngày 05-7-2004. Các con chung của chị B và anh D đều trưởng thành và tự lập về kinh tế nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về chia tài sản: chị B, anh D không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: chị B phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Từ các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: xử cho ly hôn giữa chị Vũ Thị Kim B và anh Nguyễn Văn D.

2. Về nuôi con chung: chị B và anh D có 02 con chung là Nguyễn Thị Thu Th, sinh ngày 15-3-1998 và Nguyễn Thị Thùy D, sinh ngày 05-7-2004 Hai con hiện nay đã trưởng thành và tự lập về kinh tế nên không xem xét giải quyết.

3. Về chia tài sản: chị B, anh D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: chị Vũ Thị Kim B phải chịu 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đồng chị B đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0004121 ngày 17-4-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình (chị B đã nộp đủ tiền án phí).

5. Quyền kháng cáo: chị B được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; anh D được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại UBND xã H, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Thái Bình;
- VKSND cùng cấp;
- Chi cục THADS cùng cấp;
- Các đương sự;
- UBND xã H ;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Nguyễn Thị Chuyên